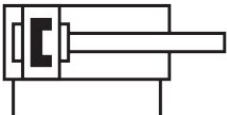


**Xy lanh nhỏ gọn**  
**ADN-S-63-15-A-P**  
 Số bộ phận: 8092131

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                                  | Giá trị                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                                                | 15 mm                                                         |
| Ø pít tông                                                                | 63 mm                                                         |
| Đệm                                                                       | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu                       |
| Vị trí lắp đặt                                                            | bất kì                                                        |
| Nguyên tắc vận hành                                                       | tác động kép                                                  |
| Đầu thanh piston                                                          | Ren ngoài                                                     |
| Cấu trúc xây dựng                                                         | Pít tông<br>Cần piston                                        |
| Các biến thể                                                              | Dẫn hướng pít tông PTFE bổ sung                               |
| Áp suất vận hành                                                          | 0.04 MPA...1 MPA<br>0.4 bar...10 bar<br>5.8 psi...145 psi     |
| Môi chất vận hành                                                         | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                                     | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                                      | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                      |
| Tuân thủ LABS                                                             | VDMA24364-B2-L                                                |
| Độ phù hợp sử dụng trong phòng sạch, được đo theo tiêu chuẩn ISO 14644-14 | Loại 5 theo ISO 14644-1                                       |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                            | 0 °C...80 °C                                                  |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                                      | 0.64 J                                                        |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi                     | 1750 N                                                        |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống                     | 1870 N                                                        |
| Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm                                    | 175 g                                                         |
| Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm                    | 16 g                                                          |
| Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm                                      | 505 g                                                         |
| Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm                              | 76 g                                                          |
| Kiểu gắn                                                                  | tùy ý:<br>với lỗ xuyên<br>với ren trong<br>với phụ kiện       |
| Cổng nối khí nén                                                          | G1/8                                                          |
| Ghi chú vật liệu                                                          | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu phủ                                                              | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                    |

| Đặc tính              | Giá trị                    |
|-----------------------|----------------------------|
| Con dấu động vật liệu | NBR                        |
| Vật liệu vỏ           | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa |
| Vật liệu thanh piston | thép không gỉ hợp kim cao  |